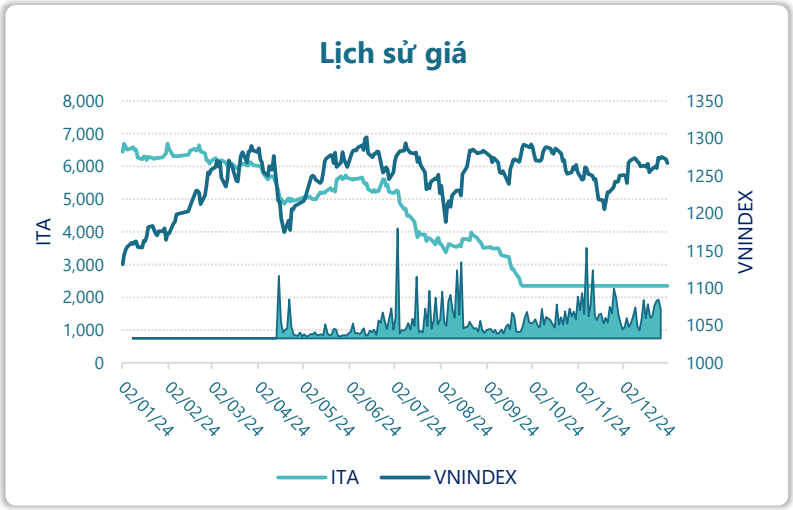
FireAnt

CTCP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (UPCOM: ITA)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**2,350**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,350
SL cổ phiếu LH	938,321,575
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,205
P/E	19.4
EPS	121

DT thuần

Q4/24

84.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼64.5| -43.3%

YoY: ▼160| -65.4%

LN sau thuế

Q4/24

-16.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼84.7| -125%

YoY: ▼108| -118%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

33.3%

+/- YoY: ▼ 12.9%

DT thuần

2024

376

tỷ VNĐ

YoY: ▼191| -33.7%

LN sau thuế

2024

115

tỷ VNĐ

YoY: ▼91.0| -43.8%

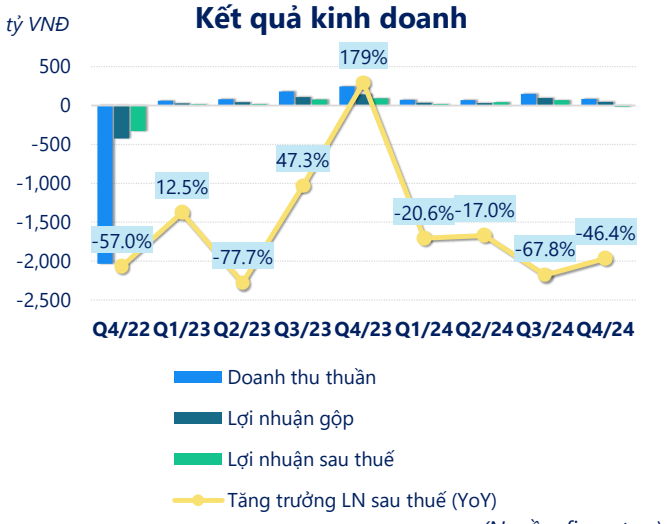
ROE

2024

1.1%

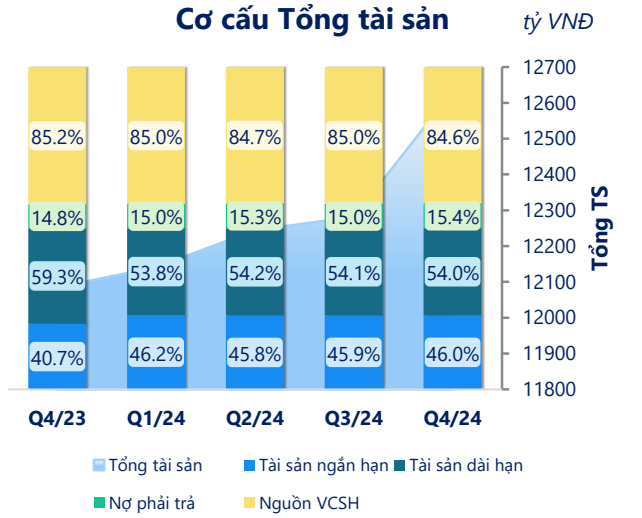
+/- YoY: ▼ 0.9%

Kết quả kinh doanh



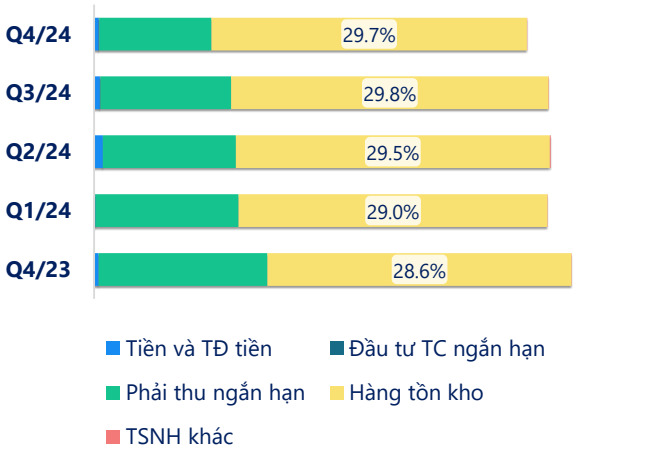
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



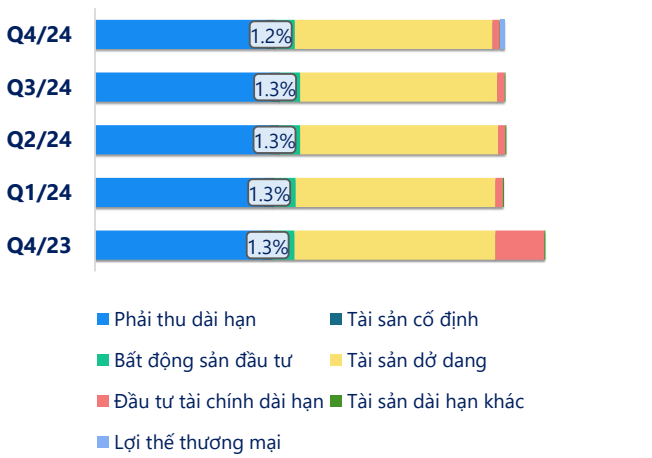
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



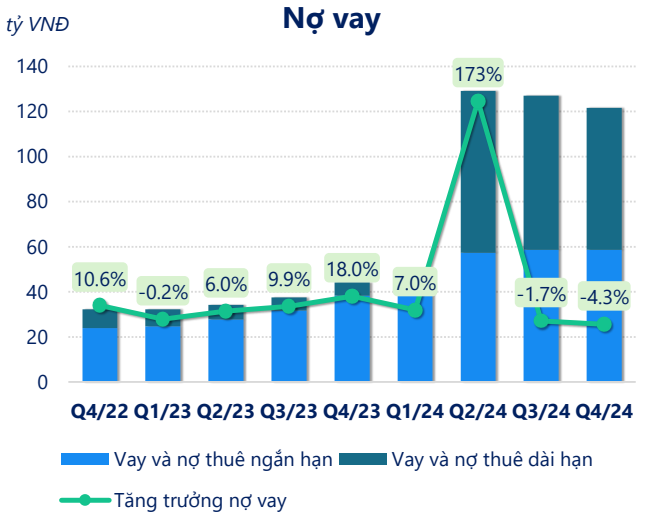
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



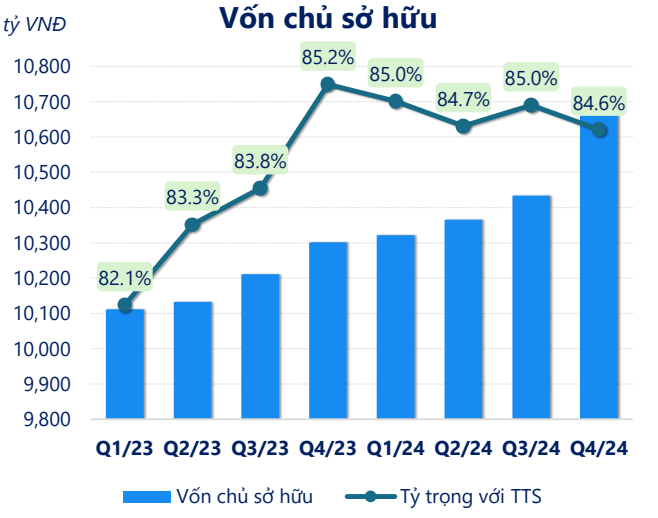
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



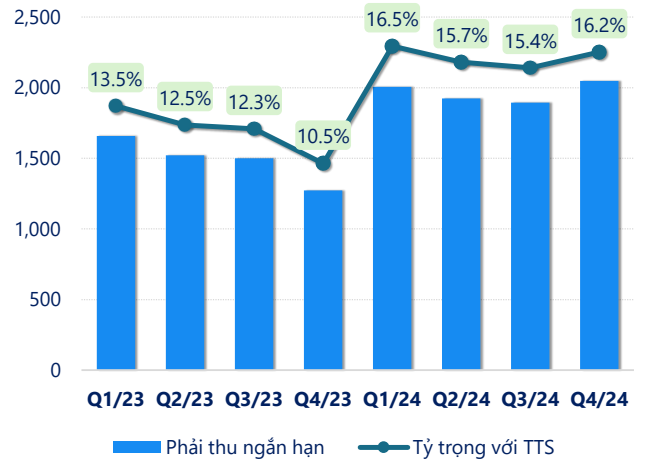
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



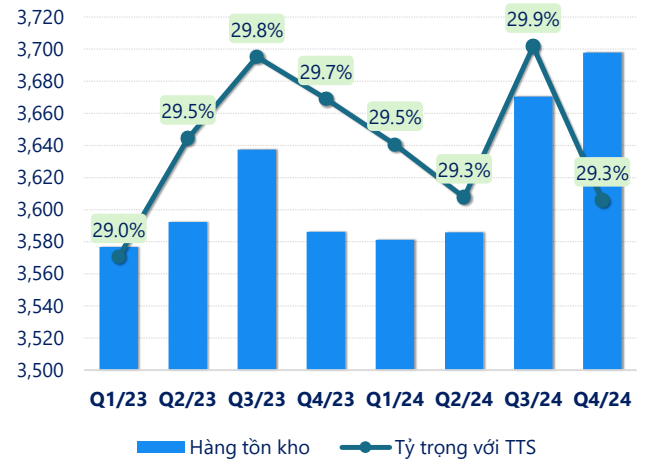
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



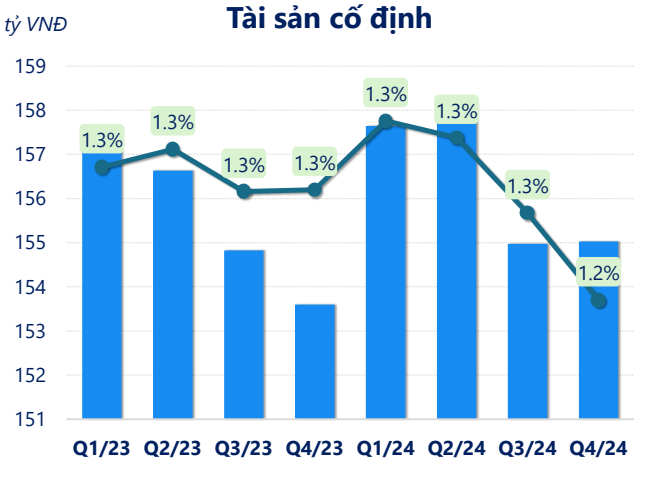
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



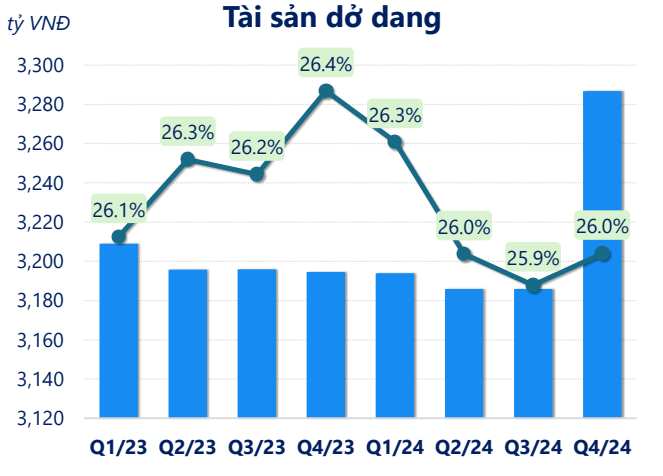
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



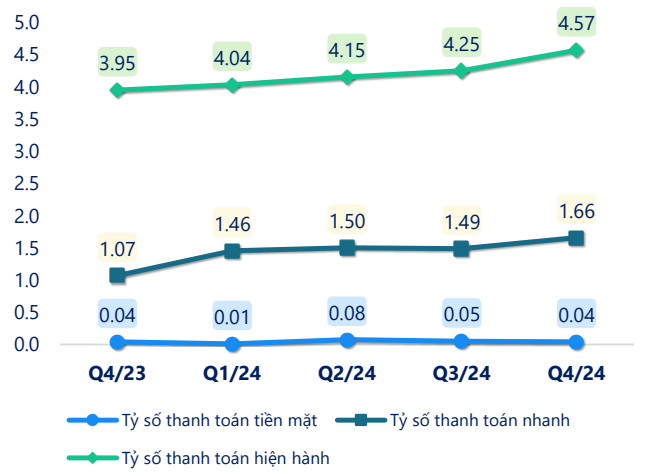
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



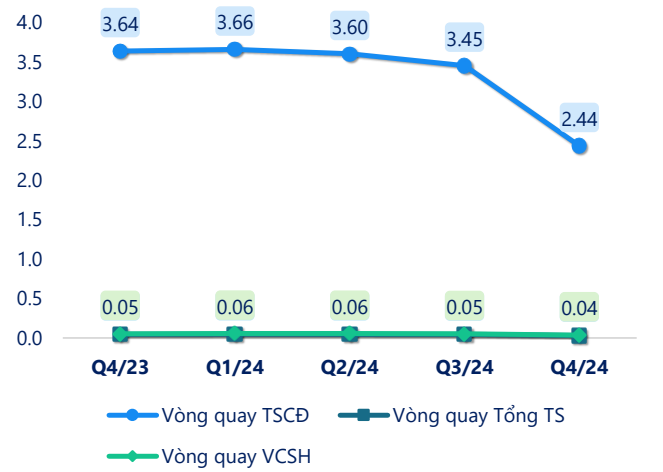
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**12,085**	**12,142**	**12,244**	**12,282**	**12,632**
Tài sản ngắn hạn	**4,920**	**5,605**	**5,613**	**5,642**	**5,808**
Tiền và tương đương tiền	50.9	14.4	102	65.3	55.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.00	0	0	3.00	2.00
Phải thu ngắn hạn	1,273	2,006	1,923	1,893	2,049
Hàng tồn kho	3,586	3,581	3,586	3,670	3,698
Tài sản ngắn hạn khác	2.79	3.44	1.64	10.2	4.36
Tài sản dài hạn	**7,165**	**6,537**	**6,632**	**6,640**	**6,824**
Phải thu dài hạn	2,671	2,706	2,815	2,835	2,845
Tài sản cố định	154	158	158	155	155
Bất động sản đầu tư	350	343	336	330	323
Tài sản dở dang	3,195	3,194	3,186	3,186	3,287
Đầu tư tài chính dài hạn	779	119	119	119	119
Tài sản dài hạn khác	16.7	17.4	17.0	15.5	14.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	80.9
Nợ phải trả	**1,783**	**1,820**	**1,879**	**1,848**	**1,947**
Nợ ngắn hạn	**1,245**	**1,389**	**1,351**	**1,327**	**1,271**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	38.3	42.3	57.2	58.6	58.7
Phải trả người bán ngắn hạn	164	213	201	237	151
Nợ dài hạn	538	431	527	522	675
Vay và nợ thuê dài hạn	6.01	5.07	72.0	68.5	62.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	**10,302**	**10,322**	**10,366**	**10,434**	**10,687**
Vốn chủ sở hữu	**10,302**	**10,322**	**10,366**	**10,434**	**10,687**
Vốn điều lệ	9,385	9,385	9,385	9,385	9,385
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)